

Số: 22 /NQ-HĐND

Nhà Bè, ngày 20 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Xét Tờ trình số 2833/TTr-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè về Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2018 của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân Huyện và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân Huyện,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2019 với kế hoạch điều chỉnh là: **418.230 triệu đồng** (chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực, các Ban và Đại biểu Hội đồng nhân dân Huyện giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè khóa X, kỳ họp thứ tám thông qua ngày 20 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND TP;
- Thường trực UBND TP;
- TT HU – HĐND – UBND Huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Huyện;
- Vp Huyện ủy, Vp HĐND và UBND Huyện;
- Các phòng, ban chuyên môn thuộc Huyện;
- Đại biểu HĐND Huyện;
- TT HĐND – TT UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT (H.78b)

CHỦ TỊCH

Phạm Minh Huấn

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ



ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

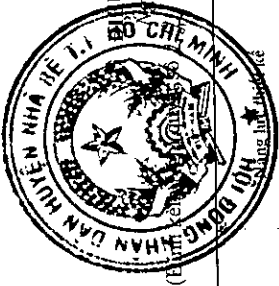
Nguồn vốn phân cấp chung

Ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
				Số, ngày	Tổng mức đầu tư							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TỔNG CỘNG												
I Công trình chuyển tiếp												
I.1 Công trình giao thông												
1	Xây dựng Trụ sở Công an xã Phước Kiển	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2017-2019	3056/QĐ-UBND 29/10/2017	7.000	7.000	1.500	1.500	5.500	5.500	Bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện	
II Công trình khởi công mới												
II.1 Công trình trụ sở cơ quan												
1	Sửa chữa, cải tạo Ủy ban nhân dân Thị trấn Nhà Bè	Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè	2019-2020		3.000	3.000	50	50	2.950	2.950		
2	Sửa chữa, cải tạo Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức	Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức	2019-2020		3.000	3.000	50	50	2.950	2.950		
3	Sửa chữa, cải tạo Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân	Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân	2019-2020		2.500	2.500	50	50	2.450	2.450		
4	Sửa chữa, cải tạo Ủy ban nhân dân xã Long Thới	Ủy ban nhân dân xã Long Thới	2019-2020		3.000	3.000	50	50	2.950	2.950	Bổ sung vốn khởi công	
5	Sửa chữa, cải tạo Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước	Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước	2019-2020		3.000	3.000	50	50	2.950	2.950	Bổ sung vốn khởi công	
II.2 Công trình văn hóa - xã hội												
1	Sửa chữa Trụ sở làm việc Hội Cựu chiến binh huyện Nhà Bè	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2019-2020		1.100	1.100	50	50	1.050	1.050		
III Công trình chuẩn bị đầu tư												
III.1 Công trình giao thông												
1	Nâng cấp, cải tạo bến 1651 xã Nhơn Đức (bến 01 cũ)	Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức	2019-2020		23.645	4.500	150	150	8.200	-7.650	550	Hủy dự án
III.2 Công trình trụ sở cơ quan												
1	Xây dựng kho lưu trữ xã Phú Xuân	Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân	2020		1.500	1.500	-	-	200	-150	50	Chuyển giải đoạn
2	Xây dựng kho lưu trữ xã Phước Lộc	Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc	2020		1.500	1.500	-	-	200	-150	50	Chuyển giải đoạn
3	Xây dựng kho lưu trữ xã Nhơn Đức	Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức	2020		1.000	1.000	-	-	-	50	50	Bổ sung mới
4	Sửa chữa, cải tạo Ban điều hành kết hợp tu sửa sinh hoạt tập thể xã Phú Xuân	Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân	2020		1.700	1.700	-	-	200	-150	50	Chuyển giải đoạn
5	Sửa chữa Ban điều hành khu phố 4, 5, 6, 7 thị trấn Nhà Bè	Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè	2020		1.400	1.400	-	-	1.350	-100	50	Chuyển giải đoạn
III.3 Công trình văn hóa - xã hội												
1	Xây dựng công viên cây xanh giai đoạn 2 (trước tòa án Huyện)	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020		3.145	3.145	-	-	1.000	-950	50	Chuyển giải đoạn và giảm tổng mức đầu tư 1.000 triệu đồng để thực hiện công trình kho lưu trữ xã Nhơn Đức.
2	Mua sắm trang thiết bị phục vụ cho hoạt động Văn hóa trên địa bàn Huyện	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020		1.500	1.500	50	50	1.450	-100	50	Chuyển giải đoạn do phải điều chỉnh quy mô dự án

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 13/NQ-THND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số, ngày	Tổng mức đầu tư						
3	Mua sắm các thiết bị Văn hóa cho Trung tâm Văn hóa xã, liên xã và Nhà truyền thống	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Trang bị 600 ghế nhựa có tựa lưng, 116 bàn đại biểu, máy trợ giảng	2020		500	-	50	450	-400	50	Chuyển giải ngân do phát điều chỉnh quy mô dự án
4	Dì dơi Ấng ten đất truyền thanh về Trung tâm văn hóa huyện	Ban Quản lý đầu tư huyện Nhà Bè		2020		3.000	-	50	2.350	-2.300	50	Chuyển giải ngân do phát điều chỉnh quy mô dự án
5	Sửa chữa trụ số Trưng tâm Thiê đưc quê thao huyện Nhà Bè		Sửa chữa, cải tạo	2020		500	-	-	-	50	50	Bổ sung mới
6	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa quê thao xã Phước Lộc		Sửa chữa, cải tạo	2020		3.400	-	-	-	50	50	Bổ sung mới



QUYẾT ĐỊNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
quản vốn phân cấp có mục tiêu từ vốn xã số kiến thiết
NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 20/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
				Số, ngày	Tổng mức đầu tư							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
TỔNG CỘNG:												
I	Công trình chuyển tiếp						10.500	96.600	-91.700	4.900		
I.1	Công trình thủy lợi						10.500	96.600	-91.700	4.900		
1	Nạo vét rạch Đĩnh, Khu phố 5	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2018-2020			167.960	10.500	96.600	-91.700	4.900		
2	Nạo vét rạch Bầu Dừa (LT10)	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2018-2020	Nạo vét và gia cố rạch dài 1028m		56.000	10.500	96.600	-91.700	4.900		
II	Công trình chuẩn bị đầu tư						4.500	2.000	2.500	2.500		
III.1	Công trình giáo dục						4.500	2.000	2.500	2.500		
1	Sửa chữa cải tạo Trường Mẫu giáo Mầm non Đồng Xanh	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020	Cải tạo các phòng học và chức năng. Cung cấp trang thiết bị học tập và giảng dạy. Cải tạo hệ thống thiết bị phòng cháy chữa cháy toàn trường.		2.500	-	2.400	-2.300	100	Chuyển giải đoạn	
2	Sửa chữa cải tạo Trường tiểu học Lê Quang Đĩnh (cơ sở 2)	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020	Sơn lại toàn bộ công trình, cải tạo nền sân, chống lún, nứt, bổ sung trang thiết bị dạy và học		4.500	-	4.400	-4.300	100	Chuyển giải đoạn	
3	Sửa chữa cải tạo Trường tiểu học Tạ Uyên (cơ sở 1)	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020	Nâng nền, chống ngập, cải tạo vệ sinh, sơn mới toàn bộ công trình, thay cửa, cải tạo hàng rào... bổ sung trang thiết bị dạy học		7.000	-	6.900	-6.800	100	Chuyển giải đoạn	
4	Sửa chữa cải tạo Sỉa chữa Trường Trung học cơ sở Lê Văn Hưn	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020	Sơn trường các phòng học, hành lang, khuôn sân, nâng cao hàng rào.		1.500	-	1.400	-1.300	100	Chuyển giải đoạn	
5	Sửa chữa cải tạo Trường Mầm non Thị trấn Nhà Bè	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020	Sơn lại toàn bộ công trình. Chống thấm trần nhà. Sỉa chữa hệ thống thoát nước, chống ngập.		1.800	-	1.700	-1.600	100	Chuyển giải đoạn	
6	Sửa chữa cải tạo Trường Mầm non Sơn Ca (cơ sở 1)	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020	Cải tạo hệ thống cấp thoát nước. Sơn nước, sơn cửa toàn trường.		800	-	700	-600	100	Chuyển giải đoạn	
7	Sửa chữa cải tạo Trường Mầm non Sơn Ca (cơ sở 2)	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020	Sơn nước toàn trường.		900	-	800	-700	100	Chuyển giải đoạn	
8	Sửa chữa cải tạo Trường Mầm non Ma Non	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020	Nâng nền sân trường, cải tạo hệ thống cấp thoát nước. Chống dột toàn trường		700	-	600	-500	100	Chuyển giải đoạn	
9	Sửa chữa cải tạo Trường Mầm non Đồng Xanh (cơ sở 2)	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020	Lối lại gạch trong sân trường. Ôp gạch các lớp. Làm nhà xe cho giáo viên, nhân viên		500	-	400	-300	100	Chuyển giải đoạn	
10	Sửa chữa cải tạo Trường Mầm non Hương Dương	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020	Cải tạo nền gạch phòng hội trường, do gạch bị bong tróc. Sỉa chữa lại phòng, chống thấm lại trần nhà. Sỉa chữa lại hệ thống cấp và thoát nước. Sỉa chữa lại hệ thống điện. Cải tạo, nâng cấp lại sân trường. Sỉa chữa lại hệ thống thang máy.		3.000	-	2.900	-2.800	100	Chuyển giải đoạn	
11	Sửa chữa cải tạo Trường Mầm non Hòa Mỹ	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020	Chống thấm, sơn trường toàn trường. Sỉa chữa hệ thống cống thoát nước. Xây mới nhà bếp. Thay gạch mới gạch nền tầng 1, phòng ăn, nhà.		1.500	-	1.400	-1.300	100	Chuyển giải đoạn	
12	Sửa chữa cải tạo Trường tiểu học Trần Thị Ngọc Hân (cơ sở 2)	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020	Chống thấm, lát gạch men. Trám vết nứt. Sơn nước công trình. Thay trần thạch cao mới.		1.200	-	1.100	-1.000	100	Chuyển giải đoạn	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Chi chú
					Số, ngày	Tổng mức đầu tư						
13	Sửa chữa cải tạo Trường tiểu học Lâm Văn Bân	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nâng sân và lát gạch mới toàn trường. Cải tạo hệ thống cấp thoát nước.	2020		1.600	-	1.500	-1.400	100	Chuyển giải đoạn	
11.2	Công trình y tế					27.400	-	21.900	-21.600	300		
1	Mua sắm trang thiết bị y tế, trang thiết bị văn phòng, sửa chữa, cải tạo một số phòng chức năng cho Trung tâm Y tế huyện Nhà Bè	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Bổ sung trang thiết bị văn phòng, trang thiết bị y tế, cải tạo khối làm việc để thực hiện chuyển đổi ríco để ăn chuyển đổi.	2020-2021		25.000	-	20.000	-19.800	200	Chuyển giải đoạn	
2	Sửa chữa cải tạo Trạm Y tế xã Nhon Đức	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nâng nền, chống thấm, cải tạo hệ thống thoát nước. Sơn mới toàn bộ công trình.	2020		2.000	-	1.900	-1.800	100	Chuyển giải đoạn	
11.3	Công trình thủy lợi					57.460	-	48.500	-47.700	800		
1	Nạo vét rạch Bông Bòn	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét và gia cố Rạch dài 500m, rộng trung bình 6,5m	2020-2021		15.460	-	13.000	-12.800	200	Chuyển giải đoạn	
2	Xây dựng mương, nạo vét rạch Chín Lăm ấp 1 xã Hiệp Phước	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét và gia cố Rạch dài 182m, rộng 2,5-5m	2020-2021		8.000	-	7.500	-7.300	200	Chuyển giải đoạn	
3	Xây dựng mương, nạo vét rạch Mước Tạ ấp 1 xã Hiệp Phước	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét và gia cố Rạch dài 255m, rộng 3-7m	2020-2021		12.000	-	10.000	-9.800	200	Chuyển giải đoạn	
4	Nạo vét rạch Mước Cung	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét và gia cố Rạch dài 475m, rộng trung bình 4-6m	2020-2021		22.000	-	18.000	-17.800	200	Chuyển giải đoạn	



CHÍNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Nguồn vốn Phòng chống lụt bão

Ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 13/NQ-UBND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Số, ngày	Tổng mức đầu tư						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	13
TỔNG CỘNG											
I Công trình chuyển tiếp											
1	Xây dựng đường, nạo vét rạch Vộp (tối cửa và đường Phan Văn Bảy hướng hạ lưu sông Soai Ráp), xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2017-2019	1537/QĐ-UBND ngày 30/5/2017	10.500	2.914	4.500	-	1.600	1.600	Bổ sung vốn để tái toán
2	Nạo vét rạch Chín Cùn - Ấp 5, xã Phú Xuân	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2017-2019	1540/QĐ-UBND ngày 30/5/2017	9.000	3.167	4.300	-	1.000	1.000	Bổ sung vốn để tái toán
3	Nạo vét rạch Hồ Neo - Ấp 5, xã Phước Kiển	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2017-2019	1538/QĐ-UBND ngày 30/5/2017	14.500	5.170	7.000	-	800	800	Bổ sung vốn để tái toán
4	Nạo vét rạch Chua lớn đoạn 2 - ấp 5, xã Phước Kiển	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2017-2019	1539/QĐ-UBND ngày 30/5/2017	16.000	4.460	6.500	-	500	500	Bổ sung vốn để tái toán
5	Xây dựng kè chống sạt lở bờ sông Rạch Giồng khu vực bên bờ Tràm Bàu, ấp 4, xã Hiệp Phước	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2017-2019	1910/QĐ-UBND ngày 07/7/2017	79.999	1.693	42.000	-	14.000	14.000	Bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện
6	Xây dựng kè chống sạt lở bờ trái Rạch Dơi - Sông Kinh, tổ 12, ấp 2 xã Long Thới	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2017-2019	1911/QĐ-UBND ngày 07/7/2017	49.986	1.436	32.000	-	10.500	10.500	Bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện
7	Xây dựng bờ kè chống sạt lở cấp bách tại bờ phải Rạch mương lớn, xã Hiệp Phước, huyện Nhà Bè	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2017-2019	1909/QĐ-UBND ngày 07/7/2017	34.758	1.147	23.000	-	4.000	4.000	Bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện
8	Dự án kè chống sạt lở rạch Giồng - Sông Kinh Lộ, đoạn từ rạch rổ 16 đến rạch Gò Mè, ấp 3, xã Hiệp Phước	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2017-2019	3339/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	79.000	438	28.500	-	32.000	32.000	Bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện
9	Dự án kè chống sạt lở rạch Giồng - Sông Kinh Lộ, đoạn từ rổ 3 ấp 4, xã Hiệp Phước	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2017-2019	3540/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	74.993	470	20.000	-	30.000	30.000	Bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện

BIỂU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

Người vốn phân cấp có mục tiêu

NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè



STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Đơn vị tính, Triệu đồng
				Số, ngày	Tổng mức đầu tư	7						
1	TỔNG CỘNG	3	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1.1	Công trình chuẩn bị đầu tư				240.855			19.449	-17.349	2.100		
1	Công trình giao thông - thủy lợi				240.855			19.449	-17.349	2.100		
1	Nâng cấp sửa chữa đường số 26 (đường vào BP)	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020-2021		199.348			13.000	-11.670	1.330		
2	Nâng cấp cải tạo đường nội bộ khu tái định cư Phú Xuân	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	2020-2021		15.000			5.000	-4.950	50	Diện chuyên giới đoạn	
3	Nâng cấp cải tạo đường dẫn vào chợ Thủ trấn	Ủy ban nhân dân Thủ	2020-2021		7.600			3.000	-2.950	50	Diện chuyên giới	
4	Nâng cấp, sửa chữa hẻm 484 xã Long Thới		2020-2021		6.048				50	50	Bổ sung mới	
5	Nâng cấp, sửa chữa hẻm 68 xã Long Thới		2020		4.50				20	20	Bổ sung mới	
6	Nâng cấp, sửa chữa hẻm 168 xã Long Thới		2020		4.12				20	20	Bổ sung mới	
7	Nâng cấp, sửa chữa hẻm 126 xã Long Thới		2020-2021		9.000				50	50	Bổ sung mới	
8	Nâng cấp, sửa chữa hẻm 437 xã Long Thới		2020		600				20	20	Bổ sung mới	
9	Nâng cấp, sửa chữa hẻm 489/7 xã Long Thới		2020		960				20	20	Bổ sung mới	
10	Nâng cấp, sửa chữa hẻm 590/22 xã Long Thới		2020		875				20	20	Bổ sung mới	
11	Lắp đặt hệ thống thoát nước, cải tạo hẻm 1806/108		2020		3.148				20	20	Bổ sung mới	
12	Lắp đặt hệ thống thoát nước, cải tạo mặt đường hẻm 48 Đặng Nhứt Lâm		2020-2021		15.050				100	100	Bổ sung mới	
13	Lắp đặt hệ thống thoát nước, cải tạo mặt đường hẻm 33 Đào Tông Nguyễn		2020-2021		2.652				20	20	Bổ sung mới	
14	Lắp đặt hệ thống thoát nước, cải tạo mặt đường hẻm 1979		2020-2021		31.127				200	200	Bổ sung mới	
15	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, cải tạo mặt đường hẻm 1716		2020-2021		8.306				50	50	Bổ sung mới	
16	Lắp đặt hệ thống thoát nước, cải tạo mặt đường hẻm 1745		2020-2021		15.602				100	100	Bổ sung mới	
17	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước, cải tạo mặt đường hẻm 1942		2020-2021		10.218				100	100	Bổ sung mới	
18	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, cải tạo mặt đường hẻm 1622		2020-2021		8.934				50	50	Bổ sung mới	



STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Chi chú
					Số, ngày	Tổng mức đầu tư						
19	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, cải tạo mặt đường hẻm 1886		Mặt đường BTXM không bề rộng 2,8-4,5m, dài 325m. Cải tạo hệ thống thoát nước	2020-2021		7.368	-	-	50	-	50	Bổ sung mới
20	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, cải tạo mặt đường hẻm 2221		Mặt đường BTXM không bề rộng 5,3m; dài 145m. Cải tạo hệ thống thoát nước	2020		2.728	-	-	20	-	20	Bổ sung mới
21	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước, cải tạo mặt đường hẻm 1897		Mặt đường BTXM không bề rộng 4,3m; dài 137m. Cải tạo hệ thống thoát nước	2020		2.270	-	-	20	-	20	Bổ sung mới
22	Nạo vét rạch Khe B (đầu tuyến và cuối tuyến)		Nạo vét, xây dựng kè bờ mái tự chèn với chiều dài 636m, rộng 3-17m	2020-2021		17.640	-	-	100	-	100	Bổ sung mới
23	Nạo vét rạch Ba Bông		Nạo vét, xây dựng kè bờ mái tự chèn với chiều dài 539m, rộng 3-15m	2020-2021		14.880	-	-	100	-	100	Bổ sung mới
24	Nạo vét rạch Nỏ		Nạo vét, xây dựng kè bờ mái tự chèn với chiều dài 166m, rộng 4-10m	2020		4.680	-	-	50	-	50	Bổ sung mới
I.2	Công trình văn hóa - xã hội					4.500	-	4.460	-4.360	-	100	
1	Sửa chữa Nhà thiếu nhi huyện Nhà Bè	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Sửa chữa, cải tạo	2020		2.000	-	1.980	-1.930	-	50	Điều chuyển giải đoạn
2	Sửa chữa trụ sở Huyện đoàn Nhà Bè	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Sửa chữa, cải tạo	2020		2.500	-	2.480	-2.430	-	50	Điều chuyển giải đoạn
I.3	Công trình giáo dục					1.600	-	-	20	-	20	
1	Sửa chữa, cải tạo Trường mầm non Tuổi Ngọc		Sửa chữa chống thấm mái, sơn nước. Cải tạo đường nội bộ (120m ²), hệ thống cấp nước, điện. Cung cấp trang thiết bị.	2020		1.600	-	-	20	-	20	Bổ sung mới
I.4	Công trình trụ sở cơ quan					35.407	-	1.989	-1.339	-	650	
1	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự thị trấn Nhà Bè	Ủy ban nhân dân thị trấn Nhà Bè	Xây dựng mới hội trường, nhà ngủ và nhà vệ sinh cho dân quân thường trực và trung đội dân quân cơ động 1 lượt 2 lầu. Xây dựng hệ thống công thoát nước nội từ Ban chỉ huy quân sự Thị trấn ra đường hẻm 1979 Huyện Tấn Phát thị trấn Nhà Bè và mua sắm trang thiết bị.	2020		3.500	-	960	-910	-	50	Điều chuyển giải đoạn
2	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Nhơn Đức	Ủy ban nhân dân xã Nhơn Đức	Xây dựng nhà trung đội dân quân cơ động xã, phòng làm việc của trung đội trưởng, nhà vệ sinh trung đội, nhà kho. Xây dựng vòm gác quan sát và mua sắm trang thiết bị.	2020		2.091	-	271	-221	-	50	Điều chuyển giải đoạn
3	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Phước Lộc	Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc	Xây dựng mới nhà kho, nhà ăn và nhà nghỉ trung đội dân quân cơ động xã 1 trệt 1 lầu. Mua sắm trang thiết bị.	2020		2.100	-	80	-30	-	50	Điều chuyển giải đoạn
4	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Phú Xuân	Ủy ban nhân dân xã Phú Xuân	Xây dựng mới trụ sở 1 trệt 1 lầu và nhà kho bảo quản trang thiết bị phòng chống thiên tai và phòng cháy chữa cháy	2020		6.000	-	220	-170	-	50	Điều chuyển giải đoạn
5	Sửa chữa, cải tạo Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Hiệp Phước	Ủy ban nhân dân xã Hiệp Phước	Hàng rào và vòm gác, phòng nghỉ chỉ huy, hệ thống thoát nước sinh hoạt. Mua sắm trang thiết bị và dụng cụ hỗ trợ.	2020		478	-	458	-403	-	50	Điều chuyển giải đoạn
6	Nâng cấp, cải tạo Trụ sở Ban Chỉ huy quân sự xã Phước Kiển	Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển	Xây dựng mới nhà nghỉ, nhà ăn trung đội dân quân cơ động 1 trệt 1 lầu và nâng nền xung quanh trụ sở. Mua sắm trang thiết bị. Bếp và nhà ăn.	2020		3.038	-	-	50	-	50	Bổ sung mới
7	Nâng cấp Trụ sở công an xã Phú Xuân		+Cải tạo nâng nền, đổ bê tông nền sân, lát gạch nền bằng gạch ceramic, chống thấm, sơn nước. Khu vệ sinh: +Cải tạo 2 phòng vệ sinh (sơn nước, ốp gạch, chống thấm nền, thay mới thiết bị vệ sinh, thay mới trần chống ẩm, nền lát gạch nhám mới, cải tạo hệ thống cấp thoát nước hệ thống điện) + Xây mới 1 phòng vệ sinh Phong cảnh sát khu vực: Tháo dỡ và xây mới lại phòng cảnh sát khu vực với diện tích 24,5m ² Xây dựng hành rào và cổng sắt, trang thiết bị.	2020		1.300	-	-	50	-	50	Bổ sung mới

STT	Tên công trình, dự án	Chức danh tư	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HIT	Quyết định đầu tư		Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Chi chú
					Số, ngày	Tổng mức đầu tư						
8	Nâng cấp Trụ sở công an xã Long Thới		Sơn lại toàn bộ công trình, thay hệ thống cửa đi, trần thạch cao, chống thấm, cải tạo 2 phòng vệ sinh. Xây mới hàng rào, bếp phòng ăn và phòng nghỉ cho cán bộ với diện tích 60m ² Cung cấp trang thiết bị	2020		1.800				50	50	Bổ sung mới
9	Nâng cấp Trụ sở công an Thị trấn Lạc		Sơn lại toàn bộ công trình, chống thấm, thay trần thạch cao, cải tạo hệ thống điện Cải tạo lại Khu vệ sinh. Cung cấp trang thiết bị	2020		1.100				50	50	Bổ sung mới
10	Nâng cấp Trụ sở công an xã Phước Lạc		Sơn lại toàn bộ công trình, chống thấm, thay trần thạch cao, sơn lại hệ thống cửa, cải tạo lại hàng rào. Nâng nền, cải tạo hệ thống thoát nước, cung cấp trang thiết bị.	2020		1.300				50	50	Bổ sung mới
11	Nâng cấp Trụ sở công an xã Nhon Đức		Sơn lại toàn bộ công trình, chống thấm, thay trần thạch cao, sơn lại hệ thống cửa, cải tạo lại hàng rào. Nâng nền sân, cải tạo hệ thống thoát nước, hàng rào, cung cấp trang thiết bị.	2020		2.500				50	50	Bổ sung mới
12	Xây dựng mới Trụ sở công an xã Hiệp Phước		Xây mới: Khuôn nhà chính 1 trệt 1 lầu, có diện tích sàn dự kiến xây dựng là 500 m ² ; sân mái có diện tích 250 m ² . Giao thông sân bãi 285,75 m ² ; cây xanh, thảm cỏ 133,1 m ² ; sân cát 516,65 m ² . Các công trình phụ trợ: cổng, hàng rào, nhà bảo vệ...	2020-2021		10.000				100	100	Bổ sung mới

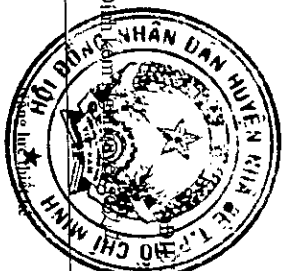


CHIẾN LƯỢC HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
Nguồn vốn khen thưởng nông thôn mới
NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè



Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	4	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Chi chú
					Số, ngày	Tổng mức đầu tư						
TỔNG CỘNG												
1	Vốn Thành phố khen thưởng Huyện đạt chuẩn nông thôn mới		20.340			20.000		9.100	10	11.240	10.900	13
E.1	Vốn Thành phố khen thưởng Huyện đạt chuẩn nông thôn mới											
1	Nâng cấp sân chơi trẻ em đường 1806 Thị trấn Nhà Bè	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	10.000	2018-2019		10.000		100		9.900	9.900	Bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện
2	Trạm y tế xã Hiệp Phước	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	10.000	2018-2019	3553/QĐ-UBND 27/10/2017	10.000		9.000		1.000	1.000	Bổ sung vốn để tái toán
E.2	Vốn Thành phố khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới		340			340				340	340	
1	Xây dựng sân chơi thiếu nhi tại khu đất trước công trường Phú Thông Trung học Long Thới	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Long Thới	340	2019		340				340	340	Bổ sung mới



CHIẾN LƯỢC HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
Nguồn vốn khen thưởng nông thôn mới
NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	4	5	Quyết định đầu tư		8	9	Kế hoạch theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	10	Tăng/Giảm	12	13
					Số, ngày	Tổng mức đầu tư							
TỔNG CỘNG													
1	Vốn Thành phố, khen thưởng Huyện đạt chuẩn nông thôn mới		20.340		20.000		20.000	9.100		10	11.240	10.900	
E.1	Vốn Thành phố, khen thưởng Huyện đạt chuẩn nông thôn mới												
1	Nâng cấp sửa chữa đường 1806 Thị trấn Nhà Bè	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Dài 1400m rộng 6m; 650m đầu tuyến thềm bê tông nhựa nóng và cái tạo lộ ga hiện hữu; 350m cuối tuyến nhựa cấp mặt đường rộng 6m, thềm bê tông nhựa nóng, lắp đặt hệ thống thoát nước D800 và hệ thống chiếu sáng	2018-2019		10.000		100			9.900	9.900	Bổ sung vốn để tiếp tục thực hiện
2	Trạm y tế xã Hiệp Phước	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	1 tệt 1 lầu, tổng diện tích sàn xây dựng 895,25m ² và các hạng mục phụ	2018-2019	3583/QĐ-UBND 27/10/2017	10.000		9.000			1.000	1.000	Bổ sung vốn để tái toàn
E.2	Vốn Thành phố, khen thưởng xã đạt chuẩn nông thôn mới					340					340	340	
1	Xây dựng sân chơi thiếu nhi tại khu đất trước công trường Phố thông Trung Học Long Thới	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Long Thới	Sân lấp mặt bằng trên diện tích: 6m x 22m với cao độ khoảng 0,6m; đổ bê tông nền sân dày 0,1m; sơn epoxy logo màu; lắp đặt rào chắn thép xung quanh để lắp đặt các thiết bị vui chơi do Thành, Đoàn tài trợ	2019		340					340	340	Bổ sung mới



QUYẾT ĐỊNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
Nguồn vốn nông thôn mới
(Đính kèm Q-HDND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	4	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Chia tỷ giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Chi chú
					Tổng mức đầu tư	Số, ngày						
TỔNG CỘNG												
A. ĐỀ ÁN NÔNG THÔN MỚI CÁC XÃ												
Nông thôn mới xã Nhơn Đức												
1	Công trình khởi công mới											
1.1	Công trình sửa chữa - thay lợi											
1	Nâng cấp hầm Xóm Dẫy	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Mặt đường Bê tông xi măng dài 804m rộng 5m + Lê 0,5m x 2 + Hệ thống thoát nước	2019-2020	UBND ngày 30/10/2018	2911/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	15.758	200	7.000	2.500	9.500	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
2	Nâng cấp đường nội đồng số 6	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Mặt đường Bê tông xi măng dài 850m rộng 3,5m + Lê 0,5m x 2	2019-2020	UBND ngày 31/10/2018	2920/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	9.945	200	5.000	1.000	6.000	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
3	Nạo vét rạch rạch công số 2 hầm 15	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức	Nạo vét rạch, đóng cửa tràn giữa có 02 bờ khời thông dòng chảy dài 410m rộng 6m	2019-2020	UBND ngày 22/10/2018	3406/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	1.503	50	1.400		1.400	
4	Nạo vét rạch rạch Cầu Đạo	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức	Nạo vét rạch, đóng cửa tràn giữa có 02 bờ khời thông dòng chảy dài 870m rộng 6m	2019-2020	UBND ngày 22/10/2018	3407/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	3.190	50	3.000		3.000	
5	Rạch nhánh sông Rạch Tôm (hầm 06)	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức	Nạo vét rạch, đóng cửa tràn giữa có 02 bờ khời thông dòng chảy dài 510m rộng 6m	2019-2020	UBND ngày 22/10/2018	3408/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	1.870	50	1.700		1.700	
6	Nạo vét rạch rạch hầm 01	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức	Nạo vét rạch, đóng cửa tràn giữa có 02 bờ khời thông dòng chảy dài 130m rộng 5m	2019-2020	UBND ngày 22/10/2018	3409/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	477	20	450		450	
7	Nạo vét rạch rạch Bà Nào	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức	Nạo vét rạch, đóng cửa tràn giữa có 02 bờ khời thông dòng chảy dài 560m rộng 6	2019-2020	UBND ngày 22/10/2018	3410/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	2.053	50	1.900		1.900	
8	Nạo vét rạch rạch vắn phòng	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức	Nạo vét rạch, đóng cửa tràn giữa có 02 bờ khời thông dòng chảy dài 95m rộng 3m	2019-2020	UBND ngày 22/10/2018	3411/QĐ-UBND ngày 22/10/2018	348	20	300		300	
1.2 Công trình sửa chữa												
1	Trường tiểu học Lê Văn Lương cơ sở 1	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Sửa chữa, cải tạo, Xây mới nhà ăn, sân tập TDTT, Cải tạo hệ thống điện chiếu sáng, Xây lại tường rào, hành lang công trường, Xây mới hệ thống thoát nước cho sân bao, Cải tạo lại hệ thống điện chiếu sáng, Cải tạo lại các nhà vệ sinh, bếp + nhà ăn, Cung cấp trang thiết bị theo yêu cầu.	2019-2020	UBND ngày 31/10/2018	2916/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	15.000	200	7.500	7.300	14.800	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
2	Trường tiểu học Lê Văn Lương cơ sở 2	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Sửa chữa, cải tạo, sơn nước, chống dột, chống thấm, thay trần thạch cao các phòng, Xây mới hệ thống thoát nước cho sân bao, Cải tạo lại hệ thống điện chiếu sáng, Cải tạo lại các nhà vệ sinh, bếp + nhà ăn, Cung cấp trang thiết bị theo yêu cầu.	2019-2020	UBND ngày 26/10/2018	2880/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	7.000	200	3.500	3.300	6.800	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
3	Trường tiểu học Lê Lợi	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức	Bổ sung bàn ghế kết hợp giường nghỉ trưa cho học sinh, Trang bị ghế hội trường và hệ thống âm thanh cho hội trường, Sửa chữa lại hệ thống điện, trang bị thêm quạt và đèn, Chống dột nhà vệ sinh, nhà đa năng, Đầu tư hệ thống van ngăn triều chống ngập cục bộ cho sân trường	2019-2020	UBND ngày 25/10/2018	3412/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	4.200	100	3.500		3.500	
1.3 Công trình văn hóa - xã hội												
							2.000	50	1.900		1.900	



STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-ITT	Quyết định đầu tư		Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số, ngày	Tổng mức đầu tư						
1	Trung tâm văn hóa xã Nhơn Đức	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Nhơn Đức	Sửa chữa, cải tạo bậc tam cấp ngay vị trí lối vào nhà thi đấu đá bóng; xây dựng hệ thống ngăn nước bằng giếng lư và van một chiều; xây gờ chắn nước khuôn viên tiếp giáp đường chính.	2019-2020	3413/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	2.000	-	50	1.900	-	1.900	
1	Nông thôn mới xã Hiệp Phước					105.300	-	690	52.864	2.700	55.560	
1	Công trình khởi công mới					105.300	-	690	52.864	2.700	55.560	
1.1	Công trình giao thông - thủy lợi					89.100	-	570	44.500	-5.000	39.500	
1	Nâng cấp mở rộng thêm 20 đường Nguyễn Văn Tào (đầu tuyến đường Nguyễn Văn Tào cuối tuyến lư 11 từ bản đồ số 33)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nâng nền, mở rộng mặt đường bê tông xi măng dài 502m rộng 4m phù hợp tải trọng đường, lắp đặt hệ thống cống thoát nước	2019-2020	2504/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	7.800		50	4.000	700	4.700	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
2	Nâng cấp mở rộng thêm 1116 đường Nguyễn Văn Tào (đầu tuyến đường Nguyễn Văn Tào cuối tuyến lư 171 từ bản đồ số 24)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nâng nền, mở rộng mặt đường bê tông xi măng dài 500m rộng 4m phù hợp tải trọng đường, lắp đặt hệ thống cống thoát nước	2019-2020	2881/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	7.800		50	4.000	700	4.700	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
3	Nâng cấp mở rộng thêm Mương Giào áp 03 (đầu tuyến đường Nguyễn Văn Tào cuối tuyến lư 224 từ bản đồ số 55)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nâng nền, mở rộng mặt đường bê tông xi măng dài 550m rộng 4m phù hợp tải trọng đường, lắp đặt hệ thống cống thoát nước	2019-2020	2878/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	7.700		50	4.000	700	4.700	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
4	Xây dựng công trình thay thế Cầu Trại Chè	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Hiệp Phước	Xây công hợp khẩu độ 2mx2m dài 6 trên nền cọc bê tông cốt thép	2019-2020	3424/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	1.600		20	1.500	-	1.500	
5	Xây dựng cầu Ngõ Lò Rèn	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Xây mới cầu bê tông cốt thép dài 25m, rộng 4,5m	2019-2020	2877/QĐ-UBND ngày 24/10/2018	7.600		50	3.500	-	3.500	
6	Xây dựng cầu Thủy Cai	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Xây mới cầu bê tông cốt thép dài 37,5m, rộng 4,5m	2019-2020	1483/QĐ-UBND ngày 16/6/2018	11.300		100	5.500	-300	5.200	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
7	Xây dựng Cầu Ba Cò	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Xây mới cầu bê tông cốt thép dài 25m, rộng 4,5m	2019-2020	2875/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	7.600		50	3.500	-700	2.800	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
8	Xây dựng Cầu Rạch Giã	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Xây mới cầu bê tông cốt thép dài 25m, rộng 4,5m	2019-2020	2876/QĐ-UBND ngày 19/10/2018	7.600		50	3.500	-800	2.700	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
9	Xây dựng Cầu số 03	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Xây mới cầu bê tông cốt thép dài 25m, rộng 4,5m	2019-2020	1482/QĐ-UBND ngày 16/6/2018	5.500		50	3.000	-700	2.300	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
10	Nạo vét gia cố Rạch Cà Chốt	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét 450m, làm kè 250m ốp mái bằng bê tông tự nhiên	2019-2020	2919/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	24.600		100	12.000	-4.600	7.400	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
1.2	Công trình giao dực					15.300	-	100	7.500	7.700	15.200	
1	Nâng nền, chống ngập Truong mảnh non Sào Mai	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Diện tích khuôn viên 1567m ² , 8 nhòm lợp, lát gạch trệt 480m ² , cải tạo, nâng nền sân 950m ² , lắp đặt hệ thống thoát nước, cung cấp trang thiết bị	2019-2020	2883/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	5.300		50	2.500	2.750	5.250	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
2	Nâng cấp sửa chữa trường Tiểu học Nguyễn Văn Tào	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Xây dựng lư viện 80 m ² , 2 phòng ngủ 200m ² , sân lư viện 180 m ² , xây hàng rào 15m, cung cấp trang thiết bị đạt chuẩn.	2019-2020	2884/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	10.000		50	5.000	4.950	9.950	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
1.3	Công trình văn hóa - xã hội					900	-	20	860	-	860	
1	Sửa chữa Văn phòng ấp 1	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Hiệp Phước	Sửa chữa, nâng nền, nâng mái 80m ² , xây hàng rào 5m, cải tạo hệ thống thoát nước	2019-2020	3425/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	450		10	430	-	430	
2	Sửa chữa Văn phòng ấp 2	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Hiệp Phước	Sửa chữa, cải tạo nâng nền nhà, nâng mái 82m ² , nâng nền sân 180 m ² , xây hàng rào 15m	2019-2020	3426/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	450		10	430	-	430	
1	Nông thôn mới xã Phước Kiển					80.925	-	670	46.400	2.700	49.100	
1	Công trình khởi công mới					80.925	-	670	46.400	2.700	49.100	
1.1	Công trình giao thông - thủy lợi					76.325	-	630	42.200	2.700	44.900	

STT	Tên công trình, dự án	Chức năng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Chi chú
					Số, ngày	Tổng mức đầu tư	Đơn vị tính						
1	Nâng cấp đường liên 724 Lê Văn Lương (điểm đầu: đường Lê Văn Lương điểm cuối: đầu cầu bê tông)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Mặt đường bê tông xi măng dài 562m rộng 3,5m-5,5m; hệ thống thoát nước.	2019-2020	2906/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	6.425		50	3.000	900	3.900	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
2	Nâng cấp, mở rộng đường liên 205 Đào Sư Tích (điểm đầu: danh Đào Sư Tích điểm cuối: đầu cầu bê tông)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Mặt đường bê tông xi măng dài 720m rộng 6m; hệ thống thoát nước.	2019-2020	2924/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	9.400		200	4.500	1.200	5.700	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
3	Nạo vét rạch Tư Tân (rạch Ông Lớn - đường Lê Văn Lương)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét, làm kê ôp viên tư chèn dài 370m, rộng 10m-20m	2019-2020	2975/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.600		50	5.000	-4.500	500	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
4	Rạch khu dân cư An Tiên (Khu dân cư An Tiên - đường Lê Văn Lương)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét, làm kê dài 500m, rộng 2-20m ôp viên tư chèn dài đoạn >5m; làm mương hồ BTCT đoạn 55m	2019-2020	2913/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	11.500		50	5.500	1.400	6.900	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
5	Nạo vét rạch Tư Hộ (sông Long Kiên - liên 1419)	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Phước Kiên	Nạo vét, làm kê ôp viên tư chèn dài 70m, rộng 5m-10m	2019-2020	3418/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	1.700		20	1.600	-	1.600	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
6	Nạo vét rạch Cầu Xóm Đạo (sông Ông Lớn - liên 1368/79)	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Phước Kiên	Nạo vét, làm kê ôp viên tư chèn dài 120m, rộng 5m-10m	2019-2020	3419/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	2.800		20	2.600	-	2.600	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
7	Nạo vét rạch Cầu Xóm Đạo (sông Ông Lớn - cầu Xóm Đạo)	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Phước Kiên	Nạo vét, làm mương hồ bê tông cốt thép 160m, rộng 4m-6m	2019-2020	3420/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	3.500		20	3.000	-	3.000	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
8	Nạo vét rạch san lư ban nhân dân xã (đường Lê Văn Lương - rạch Ông Bôn)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét, làm kê dài 350m, rộng 3-20m ôp viên tư chèn dài đoạn >5m; làm mương hồ BTCT đoạn 55m	2019-2020	2917/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.100		50	4.000	900	4.900	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
9	Kênh có hoa rạch liên 15 (sông Long Kiên - liên 1419)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét, làm kê ôp viên tư chèn dài 250m, rộng 4m-10m	2019-2020	2916/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	5.800		50	3.000	400	3.400	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
10	Kênh có hoa rạch Mươi Nê (sông Rạch Đĩa - liên 360 Phạm Hữu Lâu)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét, làm kê ôp viên tư chèn dài 240m, rộng 3m-5m	2019-2020	2921/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	5.600		50	3.000	400	3.400	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
11	Kênh có hoa rạch liên 24 (sông Rạch Trâm - liên 387 Phạm Hữu Lâu)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét, làm kê ôp viên tư chèn dài 350m, rộng 2m-5m	2019-2020	2922/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.100		50	4.000	900	4.900	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
12	Nạo vét, kênh có hoa rạch nhân dân Rạch Đĩa (sông Rạch Đĩa - khu dân cư diện mới)	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Phước Kiên	Nạo vét, làm kê ôp viên tư chèn dài 206m, rộng 2m-5m	2019-2020	3421/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	4.800		20	3.000	1.000	4.000	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
1.2	Công trình giáo dục	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Phước Kiên	Sử dụng quỹ đất tại vị trí cũ tại khu vực để xây dựng trường tiểu học, nâng cấp cho Trường đại chuẩn.	2019-2020	3422/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	3.000		20	2.700	-	2.700	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
1.3	Công trình y tế	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Phước Kiên	Nâng cấp nhà sát, áp dụng xây mới che khu vực để xe.	2019-2020	3423/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	1.600		20	1.500	-	1.500	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
1	Nâng chuẩn Trạm Y tế xã	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Phước Kiên	Nâng cấp nhà sát, áp dụng xây mới che khu vực để xe.	2019-2020	3423/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	1.600		20	1.500	-	1.500	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
1	Nâng chuẩn Trạm Y tế xã	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Phước Kiên	Nâng cấp nhà sát, áp dụng xây mới che khu vực để xe.	2019-2020	3423/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	1.600		20	1.500	-	1.500	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
1	Công trình khởi công mới	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Mở rộng, nâng cấp bê tông xi măng dài 580 rộng 4,5m; công thoát nước đường kính 600mm	2019-2020	2901/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	8.300		100	4.000	1.000	5.000	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
1.1	Công trình khởi công mới	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Mở rộng, nâng cấp bê tông xi măng dài 912 rộng 4,5m; cải tạo nâng cấp các hồ ga	2019-2020	2907/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	16.300		100	8.000	1.800	9.800	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
2	Mở rộng, nâng cấp liên 2581 (Đoạn đầu từ đường Huỳnh Tấn Phát đến cầu Lê Đất 1)	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Phước Kiên	Xây mới cầu bê tông cốt thép dài 14m, rộng 4,5m	2019-2020	3416/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	4.400		20	3.000	-	3.000	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
3	Xây dựng cầu Lê Đất 2	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Phước Kiên	Xây mới cầu bê tông cốt thép dài 14m, rộng 4,5m	2019-2020	3417/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	4.400		20	3.000	-	3.000	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	
4	Nạo vét 02 nhánh rạch Lê Đất 2 (đoạn đầu từ cầu Lê Đất 2 đến sông Nhà Bè)	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Phước Kiên	Nạo vét gia cố bờ tràn đoạn dài 195m rộng 2 và đoạn dài 145m rộng 5m	2019-2020	3417/QĐ-UBND ngày 26/10/2018	3.400		20	3.000	-	3.000	Điều chỉnh vốn theo tiến độ	



STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số, ngày	Tổng mức đầu tư						
5	Nạo vét, gia cố bờ rạch Cà Tra (đoạn đầu từ hồ Hồ Văn Cẩm, địa chỉ 12/2, tổ 3 đến cuối tuyến)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét, làm kè ốp mái bê tông cốt thép đoạn dài 140m rộng 3m và đoạn dài 160m rộng 3,5m	2019-2020	2885/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	6.900		50	4.000	200	4.200	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
6	Nạo vét, gia cố bờ rạch Tư Chấp (đoạn đầu từ hồ Trần Thị Ai, địa chỉ 79/5 đến cuối hẻm 280/1)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét, làm kè ốp mái bê tông cốt thép đoạn dài 350m rộng 2m và đoạn dài 50m rộng 4m	2019-2020		9.200		100	5.000	-4.500	500	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
7	Nạo vét, gia cố bờ nhàn rạch Mương Ngang (đoạn đầu từ hồ Võ Tấn Phát)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét, làm kè ốp mái bê tông cốt thép đoạn dài 105m rộng 2,5m và đoạn dài 195m rộng 3,5m	2019-2020		7.000		50	4.000	-3.500	500	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
1.2	Công trình giáo dục					45.000		150	23.000	-3.050	19.950	
1	Sửa chữa trường Tiểu học Nguyễn Bình	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nâng nền sân 1.377 m ² , thay gạch nền 2.027 m ² ; ốp gạch tường trong, ngoài các phòng học và phòng chức năng 1.366 m ² ; sơn toàn bộ cửa, tường 5.729 m ² ; cải tạo, chống thấm nhà vệ sinh 172 m ² ; xây dựng lại hàng rào, cải tạo hệ thống thoát nước, cung cấp trang thiết bị	2019-2020	2872/QĐ-UBND ngày 08/10/2018	10.000		50	6.000	3.950	9.950	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
2	Sửa chữa Trường Tiểu học Nguyễn Trục	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nâng nền sân 1.022 m ² ; thay gạch nền sân, phòng học, phòng chức năng 4.156 m ² ; ốp gạch tường trong, ngoài các phòng học và phòng chức năng 5.402 m ² ; sơn toàn bộ tường 6.234 m ² ; thay đèn trần thạch cao 1.385 m ² ; thay các cửa bị hư hỏng, sơn lại cửa phòng; cải tạo nhà vệ sinh, nhà xe, hệ thống thoát nước, hệ thống điện, thay lôn, cung cấp trang thiết bị.	2019-2020	2914/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	35.000		100	17.000	-7.000	10.000	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
1	Nông thôn mới xã Long Thới					37.520		290	23.000	1.380	24.380	
1.1	Công trình khởi công mới					37.520		290	23.000	1.380	24.380	
1.1	Công trình giao thông - thủy lợi					32.520		270	20.000	-600	19.400	
1	Nâng cấp mở rộng hẻm 348 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Tạo đến nhà ông Trương Vĩnh Kỳ)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Mặt đường bê tông xi măng dài 510m rộng 6m; xây dựng hệ thống thoát nước mới	2019-2020	2923/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	8.255		100	5.000	-800	4.200	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
2	Nạo vét, gia cố bờ rạch Bà Chồi (đoạn từ cầu Bà Chồi đến công Mươi Dừ)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét, gia cố bằng kè ốp mái tự nhiên bằng bê tông cốt thép dài 300m rộng 6m	2019-2020	2922/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	6.900		50	4.000	200	4.200	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
3	Nạo vét, gia cố bờ rạch Bà Chồi (đoạn từ Chợ Bà Chồi đến rạch Bảy Đứng)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét, gia cố bằng kè ốp mái tự nhiên bằng bê tông cốt thép dài 565 rộng 6m	2019-2020	2923/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	12.995		100	7.000	-	7.000	
4	Rạch Công Cầu (đoạn từ đường Nguyễn Văn Tạo đến sau số nhà 436/11)	Ban Quản lý Xây dựng nông thôn mới xã Long Thới	Nạo vét, gia cố bằng kè ốp mái tự nhiên bằng bê tông cốt thép dài 190m rộng 6m	2019-2020	3427/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.370		20	4.000	-	4.000	
1.2	Công trình giáo dục					5.000		20	3.000	1.980	4.980	
1	Sửa chữa Trường Tiểu học Trưng Trắc Khương cơ sở 1	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Diện tích khuôn viên 8967,4m ² , dăm và sơn lại 4000 m ² (trần, hop gen bong tróc, cao 0,5m phía trên gạch ốp tường), lát gạch nền 1100m ² , cải tạo đường nội bộ và nâng nền bi lún 850 m ² , ốp gạch tường 2300 m ² , chống thấm 856 m ² , thay mái tôn 1550m ² , nạo vét, cải tạo hệ thống nước mưa, cao ri sơn đầu cửa công, hàng rào, thay trần thạch cao, cải tạo hệ thống pccc, cải tạo lại công chính, cung cấp trang thiết bị.	2019-2020	2882/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	5.000		20	3.000	1.980	4.980	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
						112.788		640	60.000	-5.100	54.900	
1	Nông thôn mới xã Phước Lộc					112.788		640	60.000	-5.100	54.900	
1.1	Công trình khởi công mới					58.788		440	33.000	-7.000	26.000	



STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Nội dung thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Chi chú
					Số, ngày	Tăng mức đầu tư						
1	Đầu tư mới hệ thống thoát nước, nâng cấp, mở rộng, tái lập mặt đường liên 291 (từ đầu tuyến đường Bờ Tây Khu Cày Kéo đến nhả 1 - Cầu Trạn 4, nhả 2 - nhà số 291/3/3/30)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Mặt đường BTX/M, nâng nền rộng 4m, bề đường 2 bên, mỗi bên 1m và hệ thống thoát nước	2019-2020	2926/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.700	100	5.000	-4.500	500	500 đ	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
2	Đầu tư mới hệ thống thoát nước, nâng cấp, mở rộng, tái lập mặt đường liên 330 (từ đầu tuyến đường Đào Sư Tích đến cuối tuyến nhà số 364/9/6/51)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Mặt đường BTX/M, nâng nền rộng 5m, bề đường 2 bên, mỗi bên 1m và hệ thống thoát nước	2019-2020	2912/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	14.088	100	8.000	500	8.500 đ	8.500 đ	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
3	Đầu tư mới hệ thống thoát nước, nâng cấp, mở rộng, tái lập mặt đường liên 26 (đường Chánh Hưng đến cầu 5 Kilo)	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Đoạn 1 với kết cấu mặt đường BTX/M, rộng 4m, bề đường 2 bên, mỗi bên 1m, hệ thống thoát nước (chiều dài 350m) và đoạn 2 với kết cấu mặt đường cấp phối đá dăm (chiều dài 190m)	2019-2020	2902/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	9.500	100	5.000	-4.500	500	500 đ	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
4	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học trên tuyến đường liên 291	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Xây mới cầu kết cấu bê tông cốt thép	2019-2020	3414/QĐ-UBND ngày 29/10/2018	10.900	50	5.000	500	5.500 đ	5.500 đ	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
5	Nạo vét gia cố rạch Mười Ngón	Ban Quản lý Xây dựng Nông thôn mới xã Phước Lộc	Nạo vét, kiến cố hóa mặt bờ, đoạn đầu 6m dài 90m, đoạn cuối rộng 2m dài 60m	2019-2020	3415/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	3.500	20	3.000	-	3.000	3.000 đ	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
6	Nạo vét gia cố rạch Cây Tròn	Ban Quản lý Xây dựng Nông thôn mới xã Phước Lộc	Nạo vét, kiến cố hóa mặt bờ, đoạn đầu 6m dài 150m, đoạn cuối 4m dài 48m	2019-2020	2903/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	4.600	20	3.500	-	3.500	3.500 đ	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
7	Nạo vét gia cố rạch Ông Nạn Đực	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Nạo vét, kiến cố hóa mặt bờ, đoạn đầu 8m dài 203m, đoạn cuối rộng 3m dài 120m	2019-2020	UBND ngày 29/10/2018	7.500	50	3.500	1.000	4.500 đ	4.500 đ	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
1.2	Công trình giao dực					54.000	200	27.000	1.900	28.900	28.900 đ	
1	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Văn Khuyên	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Làm hệ thống thoát nước 1 chiểu để ngăn triều cường; Ông gạch chân tường và người, phòng học 2.669m ² ; Nâng hàng rào cao từ 1,2m lên 2,5m, dài 300m; Thay trần thạch cao 242m ² ; Chống thấm sàn 300m ² ; Mạ sơn trang thiết bị 10 phòng học theo danh sách đính kèm.	2019-2020	2873/QĐ-UBND ngày 28/10/2018	7.000	50	4.000	2.950	6.950 đ	6.950 đ	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
2	Cải tạo, sửa chữa Trường Tiểu học Bàu Thành Khôi	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Xây dựng nhà để năng TĐTT quy mô 1 trệt + 1 lầu 1140m ² ; Xây dựng hệ thống thoát nước 1 chiểu; Cải tạo nhà xe 200m; Cải tạo nhà vệ sinh 120m ² ; Chống dột, chống thấm 440m ² ; Xây dựng lại hàng rào bị nước chôn do ngập nước dài 50m; Lắp gạch chân tường các phòng học 2859m ² ; Bỏ sung trang thiết bị: 01 máy photocopy; 07 tivi 43 inch; 02 máy in 02 máy; 01 bảng tương tác; 02 máy chiếu (projector); 100 bộ bàn ghế học sinh 01 chiểu.	2019-2020	2909/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	35.000	100	17.000	-7.000	10.000 đ	10.000 đ	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
3	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Phước Lộc	Ban Quản lý Đầu tư Xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Mạ sơn trang thiết bị phòng dạy, chữa cháy; Cải tạo hệ thống thoát nước; Nâng sân trường 40cm; Lắp gạch son sàn 2548m ² ; Ông đá chân tường bị thấm nước 450m ² ; Chống thấm 520m ² ; Sơn nước công trình 4580m ² ; Cải tạo hàng rào 50m ² ; Cải tạo nhà vệ sinh 60m ² ; Lắp gạch nền 600x600: 5.550 m ² ; Mạ sơn trang thiết bị: 160 bộ bàn ghế học sinh 01 chiểu; Xây dựng khuôn sinh hoạt thể thao 360 m ² .	2019-2020	2908/UBND ngày 30/10/2018	12.000	50	6.000	5.950	11.950 đ	11.950 đ	Điều chỉnh vốn theo tiến độ
B	Đề án nâng cấp mới huyện Nhà Bè giai đoạn 2016-2017					415.800	-	-	1.000	1.000	1.000 đ	
I	Chuẩn bị đầu tư					415.800	-	-	1.000	1.000	1.000 đ	
I.1	Công trình giao thông					73.800	-	-	200	200	200 đ	
1	Nâng cấp mặt đường, chống ngập đường Lê Văn Lương	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Dài 6.300m, rộng 9m, nâng cấp mặt đường theo hiện trạng, nâng lề ga, nâng vỉa hè, trãi đèn chiếu sáng	2019-2020		73.800	-	-	200	200	200 đ	Bổ sung mới
1.2	Công trình giao dực					30.000	-	-	200	200	200 đ	

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	Nội lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
					Số, ngày	Tổng mức đầu tư						
1	Trường THPT Long Thời	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Cải tạo sân nền công trình, khối phòng học và phòng chức năng. Sửa hệ thống điện, nước trong và ngoài công trình. Cải tạo nhà vệ sinh. Thay cửa sổ đi Sơn toàn bộ công trình và cung cấp trang thiết bị.	2019-2020		30.000				200	200	Bổ sung mới
1.3	Công trình văn hóa - xã hội					12.000				200	200	
1	Nâng cấp, bổ sung trang thiết bị cho Trung tâm Văn hóa Huyện	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Sửa chữa sụp lún nền sân, tam cấp. Sơn toàn bộ công trình. Cải tạo nhà vệ sinh. Sửa chữa hệ thống điện, nước. Sửa chữa nhà bia điện, sân khấu ngoài trời. Cung cấp trang thiết bị.	2019-2020		12.000				200	200	Bổ sung mới
1.4	Công trình mới trường					300.000				400	400	
1	Xây dựng Trạm Trung chuyển rác tại xã Phước Lộc	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Diện tích 1,08ha, công suất 300 tấn/ngày	2019-2020		155.700				200	200	Bổ sung mới
2	Xây dựng Trạm Trung chuyển rác tại xã Long Thời	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	Diện tích 1ha, công suất 300 tấn/ngày	2019-2020		144.300				200	200	Bổ sung mới



CHÍNH KẾ HOẠCH DẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
Nguồn vốn ngân sách Huyện
NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân huyện Nhà Bè

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên công trình, dự án	Chủ đầu tư	4	5	Quyết định đầu tư		8	9	10	11	12	13
					6	7						
				Thời gian KC-HT	Số, ngày	Tổng mức đầu tư	Giá trị giải ngân đến 31/12/2017	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch 2019 theo Nghị quyết 13/NQ-ĐHND ngày 26/6/2018	Tăng/Giảm	Kế hoạch năm 2019	Chi chủ
TỔNG CỘNG						25.500	-	18.000	1.480	620	2.100	
1	Công trình thanh toán khối lượng hoàn thành					20.000	-	18.000	-	2.000	2.000	
1.1	Công trình giao dục					10.000	-	9.000	-	1.000	1.000	
1	Nâng cấp, sửa chữa Trường THCS Nguyễn Văn Quý (cơ sở 2)	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè		2017-2019	3552/QĐ-UBND 25/10/2017	10.000	-	9.000	-	1.000	1.000	Bổ sung vốn để tái toán
1.2	Công trình trụ sở cơ quan					10.000	-	9.000	-	1.000	9.000	
1	Dự án cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu Huyện và nâng cấp cải tiến hệ thống tiếp nhận trả kết quả tiếp dân	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Nhà Bè		2017-2019	3632/QĐ-UBND 31/10/2017	10.000	-	9.000	-	1.000	1.000	Bổ sung vốn để tái toán
II	Công trình chuẩn bị đầu tư					5.500	-	-	1.480	-1.380	100	
II.1	Công trình giao thông - thủy lợi					5.500	-	-	1.480	-1.380	100	
1	Xây dựng đường vào trường Dương Văn Dương	Ban Quản lý đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè		2019-2020		1.500	-	-	1.480	-1.480	-	Hủy dự án
2	Xây dựng kè chống sạt lở kênh sông Rạch Tròn			2020		4.000	-	-	-	100	100	Bổ sung mới